TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2019/QĐST-HNGĐ	*TP Kon Tum, ngày 03 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Trần Thị Lệ T và anh Trần Thanh S.

Địa chỉ: Cùng ở thôn N, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ T và anh Trần Thanh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/1998, tại UBND phường T, thị xã K, tỉnh Kon tum. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh, chị cùng trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, sống lạnh nhạt với nhau, nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Lệ T và anh Trần Thanh S sinh được 02 con chung là Trần Trúc Q, sinh ngày 25/3/2001 và Trần Phương U, sinh ngày 30/4/2007. Anh, chị cùng thống nhất con chung Trần Trúc Q đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao cháu Trần Phương U cho chị Trần Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu, chị Trần Thị Lệ T nhận chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ T và anh Trần Thanh S thỏa thuận thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Giao cháu Trần Phương U, sinh ngày 30/4/2007 cho chị Trần Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải qyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: (Thuận tình ly hôn) là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu, chị Trần Thị Lệ T nhận chịu, nhưng được trừ đi số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị Trần Thị Lệ T đã nộp theo biên lai số 0001045, ngày 29/02/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung